

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/7/2022

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị An.
2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2022 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số M, ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 25/11/2020. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà và ông T không sống cùng nhau đã hơn 01 năm nay. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, giới tính nam, sinh ngày 11/11/2020, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà T ly hôn với ông T. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Án phí: Buộc bà T chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Thanh T cư trú tại ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà ông T vắng mặt, ngày 23/5/2022 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và ghi nhận ý kiến của bà T, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông T. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 27/6/2022 nhưng bị đơn là ông T vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 15/7/2022 theo quyết

định hoãn phiên Tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/11/2020. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết bà T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn, ông T đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập ghi nhận ý kiến và hòa giải nhiều lần, nhưng ông T đều vắng mặt, theo bà Bùi Thị Kim T là mẹ ruột của ông T trình bày: hiện ông T đang làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, khi Tòa án tổng đạt các văn bản, thông báo cho ông T, bà có nhận thay và có báo lại cho ông T để ông T sắp xếp thời gian về Tòa án giải quyết nhưng công ty không cho nghỉ phép nên ông T không về được, ý kiến của ông T là cũng đồng ý ly hôn với bà T và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Theo lời khai của bà T, trong quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, nhưng sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, bà và ông T không còn chung sống cùng nhau từ hơn một năm nay, mỗi người có cuộc sống riêng. Qua xác minh của Tòa án tại Ban lãnh đạo ấp N, xã T cho thấy ông T có đăng ký thường trú tại địa phương có vợ tên Nguyễn Thị Kim T quê ở An Giang, sau khi cưới, ông T, bà T sinh sống tại địa phương, về mâu thuẫn gia đình thì địa phương không rõ, hiện nay ông T đi làm ăn xa, bà T cũng không còn sinh sống tại địa phương. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà T, ông T không còn chung sống một thời gian dài và hiện nay không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân của bà T, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghị cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh K, giới tính nam, sinh ngày 11/11/2020, hiện nay con đang sống cùng bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện nay cháu K đang sống cùng bà T, từ khi không còn chung sống cùng nhau thì con do bà T chăm sóc nuôi dưỡng nên việc bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K là tạo điều kiện cho cháu K phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông T thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, giới tính nam, sinh ngày 11/11/2020 cho bà Nguyễn Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông T thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0000416 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Tiên, nay bà T không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành